NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ 5 TUỔI Ở HUYỆN SƠN HÀ, TỈNH QUẢNG NGÃI

RESEARCH ON THE FACTORS AFFECTING THE RESULTS OF THE COMPULSORY EARLY CHILDHOOD EDUCATION FOR THE CHILDREN AT THE AGE OF 5 IN SON HA DISTRICT, QUANG NGAI PROVINCE

Lê Đình Sơn[1], Đặng Văn Thịnh[2]

[1]Đại học Đà Nẵng; ldson@ac.udn.vn

[2]HVCH K27 ngành Quản lý giáo dục, Đại học Đà Nẵng; taque.pgd@gmail.com

Tóm tắt - Giáo dục mầm non (GDMN) là một bộ phận của hệ thống giáo dục quốc dân. GDMN thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi, đặt nền tảng cho các cấp học tiếp theo. Do vậy, GDMN có vị trí đặc biệt trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, phát triển nhân cách con người Việt Nam. Mấy năm gần đây, chủ trương, chính sách phổ cập giáo dục mầm non (PCGDMN) của Đảng và Nhà nước đã đạt nhiều thành tựu. Tuy nhiên, PCGDMN cũng đang gặp không ít khó khăn ở những vùng nông thôn, miền núi. Bài viết trình bày nghiên cứu về các yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến kết quả PCGDMN cho trẻ 5 tuổi ở huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Kết quả nghiên cứu có thể sử dụng cho việc xây dựng chính sách PCGDMN ở nơi này và các vùng có điều kiện tương tự.

Từ khóa - giáo dục; phổ cập giáo dục; quản lý; giáo dục mầm non; trường mầm non.

Abstract - Early Childhood Education (ECE) is a part of the National Education System. ECE takes nurturing, care and education of children from three-months to six-years old, laying the foundation for the next levels of education. Thus, ECE has a special position in the strategic development of human resources, development of Vietnam human personality. In recent years, the policy of Vietnam Government and Communist Party on Compulsory Early Childhood Education (CECE) has gained achievements. However, CECE has also met a lot of difficulties, espcially in rural and mountainous areas. The paper presents a study on objective and subjective factors affecting outcomes of CECE for children at 5 years old in Son Ha district, Quang Ngai province. Research results can be used for CECE policy development in this area and other areas with similar conditions.

Key words - education; compulsory education; management; early childhood education; preschools.

1. Đặt vấn đề

GDMN thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi, tạo sự khởi đầu cho quá trình phát triển toàn diện của trẻ, khơi dậy sự ham hiểu biết, hứng thú trong việc học tập, đặt nền móng cho các cấp học tiếp theo và cho việc giáo dục suốt đời của công dân trong xã hội hiện đại. Do đó, GDMN có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, phát triển nhân cách con người của các quốc gia [2].

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm phát triển GDMN. Đặc biệt mấy năm gần đây, chủ trương PCGDMN cho trẻ 5 tuổi đã thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển GDMN ở nước ta. Tuy nhiên, PCGDMN vẫn đang gặp không ít khó khăn ở các khu vực miền núi, vùng cao, trong đó có huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Duy trì việc huy động trẻ đúng độ tuổi đến trường và đảm bảo bền vững chất lượng nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các nơi này đang là thách thức lớn đối với các nhà quản lý.

Bài này phân tích kết quả đạt được trong công tác PCGDMN cho trẻ 5 tuổi ở huyện Sơn Hà, Quảng Ngãi, nghiên cứu đánh giá các yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến kết quả PCGDMN của huyện. Đây là cơ sở quan trọng để xác định các biện pháp quản lý nhằm đảm bảo bền vững kết quả đạt được trong công tác này.

2. Đặc điểm dân cư và mạng lưới GDMN của huyện

Sơn Hà là huyện vùng cao, nằm ở phía Tây tỉnh Quảng Ngãi. Toàn huyện có 01 thị trấn và 13 xã (trong đó có 11 xã đặc biệt khó khăn, thuộc Chương trình 135 của Chính phủ). Dân số huyện Sơn Hà có hơn 76.000 người, trong đó có 62.208 người thuộc dân tộc ít người, chiếm tỷ lệ 82,84% (82% là người Hrê).

Tình hình kinh tế, xã hội của huyện còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới thời điểm đầu năm 2014 là 40,85%.

GDMN toàn huyện có 16 trường, đều thuộc loại hình trường công lập (chỉ có 01 trường đạt chuẩn Quốc gia). Tổng số trẻ đến trường năm học 2013-2014 là 4.047, trong đó nhà trẻ: 562 cháu; mẫu giáo: 3.485 cháu.

3. Kết quả công tác PCGDMN của huyện

Mấy năm gần đây, GDMN huyện miền núi Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi phát triển mạnh mẽ. Tỷ lệ trẻ ra lớp đạt kết quả khả quan. Theo thống kê của các trường mầm non trong huyện, năm học 2013-2014 số trẻ 5 tuổi được PCGDMN chiếm tỉ lệ từ 84,48% - 93,62% tổng số trẻ trong độ tuổi. Mặc dù vẫn còn 8/14 xã, thị trấn chưa đạt được tỉ lệ PCGDMN theo chuẩn quy định (90% đối với khu vực miền núi [3]), nhưng kết quả huy động trẻ 5 tuổi tính chung toàn huyện vào thời điểm cuối năm học 2013-2014 đã đạt được 90,20% (Bảng 1).

Do điều kiện kinh tế, xã hội còn nhiều hạn chế, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở thể nhẹ cân và thể thấp còi khá cao (709/4.047 cháu, chiếm tỷ lệ 17,52% và 825/4047 cháu, chiếm 20,39%). Song, tỷ lệ này có thể giảm xuống theo thời gian, nếu duy trì và gia tăng được mức độ chuyên cần của trẻ đến trường mầm non.

Bảng 1. *Tỉ lệ trẻ 5 tuổi được PCGDMN tính đến cuối năm học 2013-2014*
(Nguồn: Tổng hợp số liệu báo cáo của các trường)

TT	Tên xã, thị trấn	Tỉ lệ huy động trẻ ra lớp								
		Trẻ 0-5 tuổi			Trẻ 3-5 tuổi			Trẻ 5 tuổi		
		Tổng số	*Ra lớp*	*Tỷ lệ %*	*Tổng số*	*Ra lớp*	*Tỉ lệ %*	*Tổng số*	*Ra lớp*	*Tỷ lệ %*
1	Sơn Hạ	999	428	42,84	577	411	71,23	152	142	93,42
2	Sơn Thành	829	359	43,31	492	359	72,97	164	150	91,46
3	Sơn Nham	483	262	54,24	278	262	94,24	105	95	90,48
4	Sơn Cao	471	263	55,84	344	263	76,45	113	103	91,15
5	Sơn Linh	556	277	49,82	337	277	82,20	87	77	88,51
6	Sơn Giang	548	265	48,36	405	265	65,43	91	82	90,11
7	Sơn Hải	366	147	40,16	188	147	78,19	57	50	87,72
8	Sơn Thủy	535	218	40,75	312	218	69,87	89	79	88,76
9	Sơn Kỳ	614	261	42,51	383	261	68,15	118	105	88,98
10	Sơn Ba	445	191	42,92	251	191	76,10	84	71	84,52
11	Di Lăng	861	517	60,05	531	419	78,91	188	176	93,62
12	Sơn Thượng	443	219	49,44	253	204	80,63	58	49	84,48
13	Sơn Bao	494	239	48,38	297	223	75,08	97	87	89,69
14	Sơn Trung	388	214	55,15	225	196	87,11	76	68	89,47
	Tổng cộng	8032	3860	48,06	4873	3696	75,85	1479	1334	90,20

Cùng với sự tăng trưởng số lượng xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGDMN (từ 0/14 đơn vị - 2010 đến 06/14 đơn vị - 2014), theo báo cáo thống kê của huyện [6], tỷ lệ trẻ 5 tuổi được học 2 buổi/ngày từng bước được nâng lên (từ 69,55% năm học 2011-2012 lên 94,12% năm học 2013-2014 Hình 1).

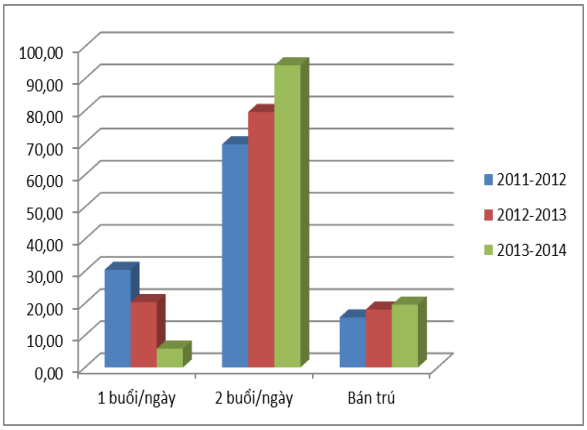

Hình 1. *Tỉ lệ trẻ 5 tuổi theo học tại các lớp*
(Nguồn: Báo cáo thống kê của Phòng GD&ĐT [6])

Đối với một huyện miền núi có nhiều khó khăn như Sơn Hà, đây là kết quả rất đáng khích lệ. Vấn đề là phải duy trì và phát triển bền vững được kết quả này thì mới đảm bảo thành công chủ trương PCGDMN. Tỷ lệ huy động trẻ mầm non các độ tuổi (từ 0-5 tuổi) đến trường còn thấp (Bảng 1) là dấu hiệu đáng lưu ý.

4. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả PCGDMN trẻ 5 tuổi của huyện

Có hàng loạt yếu tố ảnh hưởng đến kết quả công tác PCGDMN cho trẻ 5 tuổi, bao gồm các yếu tố khách quan và chủ quan. Tính đến các yếu tố này rất cần thiết đối với việc thực hiện và duy trì kết quả PCGDMN. Công tác PCGDMN có thể thuận lợi hơn ở nơi này, khó khăn hơn ở nơi khác tùy thuộc các yếu tố đó. Việc duy trì kết quả đạt được lại càng nan giải hơn ở những nơi mà việc huy động trẻ đến trường cần đến rất nhiều nỗ lực chủ quan của đội ngũ thực hiện PCGDMN, bởi việc gửi trẻ vào trường mầm non, theo quy định pháp luật, mang tính tự nguyện đối với các gia đình.

4.1. Các yếu tố khách quan

Các yếu tố khách quan cơ bản ảnh hưởng đến PCGDMN bao gồm: thu nhập của các hộ gia đình; trình độ dân trí, đào tạo và điều kiện sống, làm việc của dân cư. Theo số liệu thống kê (Niên giám của huyện 2012), huyện Sơn Hà có 11/13 xã đặc biệt khó khăn; lao động trong dân cư chủ yếu làm việc ở các ngành nông, lâm, ngư nghiệp (chiếm tỉ lệ 88,52%); tỷ lệ qua đào tạo nghề thấp (15%). Đa số dân cư của huyện thuộc dân tộc ít người, phong tục tập quán nhiều nơi còn lạc hậu; nhận thức về giáo dục nói chung, về vai trò của GDMN nói riêng, còn hạn chế; địa bàn sinh sống trải rộng, lại bị chia cắt phức tạp bởi sông, suối và núi cao – đó là những trở ngại lớn đối với công tác PCGDMN.

Nhận xét chung là các yếu tố khách quan không thuận lợi cho việc thực hiện PCGDMN của huyện. Những kết quả đạt được rất đáng ghi nhận, nhưng giữ vững và phát triển những kết quả này là không đơn giản. Việc khắc phục các trở ngại cần đến nhiều nỗ lực đồng bộ, lâu dài của huyện.

4.2. Các yếu tố chủ quan

Các yếu tố chủ quan bao gồm: công tác chỉ đạo PCGDMN; mạng lưới trường lớp, thiết bị GDMN; đội ngũ giáo viên mầm non (GVMN) và cán bộ quản lý (CBQL).

Một cách khái quát, đó là các yếu tố liên quan trực tiếp đến hiệu quả quản lý thực hiện chủ trương PCGDMN của huyện. Sự cải thiện các yếu tố này phụ thuộc nhiều vào nỗ lực chủ quan của CBQL các cấp ở địa phương. Việc hạn chế tác động tiêu cực của các yếu tố khách quan, cũng như duy trì và phát triển bền vững kết quả đạt được trong PCGDMN, sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp của các yếu tố này.

4.2.1. Về công tác chỉ đạo PCGDMN

Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo PCGDMN huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành công tác PCGDMN, thể hiện quyết tâm chính trị cao của địa phương và sự tham mưu tích cực của CBQL các cấp.

Ở cấp xã, Đảng ủy, chính quyền đã triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền về GDMN, sâu sát chỉ đạo, phối hợp các ban ngành, hội, đoàn thể địa phương, các đơn vị trường học đóng trên địa bàn để huy động trẻ đến trường.

Hàng năm, Phòng GD&ĐT đều tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện công tác PCGDMN trên địa bàn 14 xã, thị trấn để nắm bắt tình hình, trên cơ sở đó tham mưu Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục chỉ đạo, điều chỉnh kế hoạch PCGDMN.

Công tác kiểm tra, công nhận đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ 5 tuổi ở 14 xã, thị trấn được thực hiện định kỳ. Các xã không đảm bảo tỉ lệ đạt chuẩn đều được đoàn kiểm tra tư vấn, hướng dẫn lập kế hoạch tổ chức thực hiện cho năm tiếp theo.

Đầu tư kinh phí dành cho PCGDMN trẻ 5 tuổi là một chỉ báo quan trọng đánh giá hiệu quả công tác chỉ đạo của chính quyền địa phương. Bảng 2 cho thấy, ngoại trừ ngân sách từ Chương trình mục tiêu, dự án, các nguồn đầu tư khác đều tăng mạnh.

Bảng 2. *Kinh phí đầu tư dành cho PCGDMN trẻ 5 tuổi*
(Nguồn: Báo cáo thống kê của Phòng GD&ĐT [6]; ĐVT: Triệu đồng)

Nội dung	Tổng số	Chia ra theo các năm			
		2011	2012	2013	2014
Tổng chi cho Giáo dục mầm non	96.505	13.157	18.395	32.852	32.101
Trong đó: - Ngân sách thường xuyên	63.326	9.476	13.522	24.325	16.002
- Ngân sách đầu tư	32.504	3.668	4.735	8.312	15.788
- Ngân sách từ Chương trình mục tiêu, dự án	214		74	75	65
- Từ nguồn xã hội hóa	462	13	63	140	246

Về chỉ đạo công tác chuyên môn, năm học 2013-2014 huyện đã có 100% các trường mầm non thực hiện Chương trình GDMN mới (ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT). Đây là nỗ lực lớn đối với huyện miền núi có nhiều khó khăn như Sơn Hà.

Hạn chế về kết quả công tác chỉ đạo, dù là yếu tố chủ quan, nhưng có phần không nhỏ chịu tác động của các yếu tố khách quan. Sự phân bố dân cư thưa thớt, địa hình phức tạp, giao thông trắc trở, nhất là mùa mưa lũ, mức sống, thu nhập của dân cư thấp – đó là các yếu tố khách quan tác động tiêu cực đến mối quan tâm của phụ huynh học sinh về huy động trẻ đến trường. Hạn chế trong nhận thức về GDMN và điều kiện sống, thói quen ít quan tâm khai sinh cho trẻ theo quy định của pháp luật, sự thiếu chính xác trong quản lý hồ sơ hộ khẩu ở địa phương... ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả PCGDMN. Hiện tượng bỏ học của trẻ vẫn đang hiện hữu. PCGDMN khó đạt được bền vững, nếu không giải quyết được những tồn tại này.

4.2.2. Về mạng lưới trường lớp, thiết bị GDMN

Dữ liệu thống kê [6] cho thấy cơ sở vật chất, thiết bị đầu tư cho PCGDMN gia tăng đáng kể từ năm học 2011- 2012 đến năm học 2013-2014.

Theo báo cáo của Phòng GD&ĐT, từ năm 2011 đến tháng 5/2014 huyện đã đầu tư xây dựng 21 phòng học cho GDMN với tổng kinh phí 13,517 tỷ đồng (trong đó bố trí 13 phòng cho mẫu giáo 5 tuổi tại 7/16 trường mầm non); xây dựng 25 phòng chức năng tại 9 trường mầm non với kinh phí 9,683 tỷ đồng; xây dựng 12 nhà vệ sinh bằng nguồn ngân sách huyện với kinh phí 134 triệu đồng. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng hoàn thiện và đưa vào sử dụng thêm 11 phòng học dành cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi bằng nguồn kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí tại Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 (kinh phí tỉnh 65%, kinh phí huyện 35% trong tổng kinh phí 01 phòng học là 500 triệu đồng).

Cơ sở vật chất, trang thiết bị cho trường học được cải thiện đáng kể. Thiết bị GDMN được tăng thêm hàng năm, số liệu năm sau tăng hơn năm trước. Bảng 3 thể hiện kết quả đầu tư rất đáng ghi nhận đối với một huyện miền núi.

Bảng 3. *Thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị đầu tư theo yêu cầu PCGDMN*
(Nguồn: Báo cáo thống kê của Phòng GD&ĐT [6])

Năm học	Cơ sở vật chất														
	Phòng học						Sân chơi		Thiết bị				Công trình nước sạch	Công trình vệ sinh	Nhà bếp
	Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cô	Phòng học tạm	Học nhờ TH	Học nhờ nơi khác	Tổng sô	Có đồ chơi	Số bộ đồ chơi ngoài trời	Sô bộ thiết bị tối thiểu	Số bộ tin học	Thiết bị khác			
11-12	133	16	104	1	10	2	81	8	20	40	0	0	16	38	3

12-13	140	28	105	1	5	1	87	9	21	90	2	2	24	47	3
13-14	155	34	106	2	9	4	105	13	24	133	10	3	36	57	7

Hạn chế, tồn tại về đầu tư mạng lưới trường lớp, thiết bị đồng thời cũng có thể nhận thấy ngay trong Bảng 3. Thống kê cho thấy cơ sở vật chất tăng thêm hàng năm. Tuy nhiên, số lượng phòng học kiên cố còn thấp, phòng học tạm, học nhờ trường trung học và nơi khác vẫn còn tồn tại. Trên thực tế, đa phần phòng học có diện tích nhỏ, hẹp, chưa đáp ứng chuẩn quy định. Hơn nữa, với số lượng phòng học bán kiên cố chiếm tỷ lệ lớn (106/155 phòng), việc duy trì chất lượng giáo dục về lâu dài có nhiều khó khăn. Trang, thiết bị dạy học có sự gia tăng đáng kể qua các năm học, nhưng chưa đủ cho tất cả các lớp. Thiết bị tin học còn quá ít: 10/157 lớp (chiếm tỉ lệ 6,37%); bộ đồ chơi ngoài trời chủ yếu phục vụ cho các điểm trường chính (24/119 điểm trường, chiếm tỉ lệ 19,33%), hầu hết các điểm trường lẻ chưa có đồ chơi ngoài trời. Bộ thiết bị tối thiểu cũng chưa đủ cho các lớp (133 bộ/157 lớp).

Nhà làm việc cho cán bộ, giáo viên (GV), phòng chức năng cho hoạt động giáo dục chưa đảm bảo. Chỉ có 4/16 trường có đầy đủ khối phòng chức năng. Công trình vệ sinh, công trình nước sạch, nhà bếp cũng chưa được đầu tư nhiều. Tất cả các điểm trường lẻ đều chưa có tường rào, cổng ngõ; diện tích đất nhỏ, hẹp. Cả huyện mới chỉ có 1/16 trường (chiếm tỉ lệ 6,25%) đạt chuẩn Quốc gia.

4.2.3. Về đội ngũ GV và CBQL

Bảng 4 trình bày về quy mô và thành phần đội ngũ GVMN của huyện Sơn Hà. Tính đến cuối năm học 2013-2014, huyện vẫn còn thiếu 48 GVMN. Theo báo cáo thống kê của huyện, chênh lệch giữa các độ tuổi khá lớn, song tỷ lệ GV trên 45 tuổi chỉ chiếm 12,8%. Sự phát triển đội ngũ GDMN muộn so với các địa phương miền xuôi, bên cạnh những khó khăn, hạn chế về cơ cấu theo kinh nghiệm chuyên môn, cũng đem lại cho huyện lợi thế về bình quân lứa tuổi của đội ngũ. Lực lượng GV trẻ, sung sức, nhiệt tình, thời gian đóng góp và cống hiến còn dài, thuận lợi để bồi dưỡng, phát triển về chuyên môn, nghiệp vụ. Đây là tiềm năng lớn cho sự phát triển GDMN của huyện những năm tiếp theo.

Bảng 4. *Quy mô, thành phần đội ngũ GVMN của huyện*
(Nguồn: Báo cáo thống kê của Phòng GD&ĐT)

TT	Trường	Giáo viên toàn trường									
		Tổng số	Trên chuẩn		Đạt chuẩn		GV người DTTS	Tuyển dụng GV		Bình quân GV/lớp	GV thiếu theo điều lệ
			SL	%	SL	%		Biên chế	Hợp đồng		
1	Mẫu giáo Sơn Hạ	13	8	61,54	13	100	5	13	0	1,0	0
2	Mầm non Hương Sen	9	1	11,11	9	100	2	7	2	2,3	2
3	Mẫu giáo Sơn Thành	11	8	72,73	11	100	6	11	0	1,0	0
4	Mẫu giáo Sơn Nham	8	5	62,50	8	100	2	7	1	1,0	1
5	Mầm non Tuổi Thơ	15	5	33,33	15	100	3	7	8	1,3	8
6	Mẫu giáo Sơn Linh	12	5	41,67	12	100	2	8	4	1,0	4
7	Mẫu giáo Sơn Giang	11	5	45,45	11	100	2	10	1	1,0	1
8	Mẫu giáo Sơn Hải	6	4	66,67	6	100	0	4	2	1,0	2
9	Mẫu giáo Sơn Thủy	10	7	70,00	10	100	2	9	1	1,0	1
10	Mẫu giáo Sơn Kỳ	10	8	80,00	10	100	4	10	0	1,0	0
11	Mẫu giáo Sơn Ba	10	3	30,00	10	100	7	7	3	1,0	3
12	Mầm non Họa Mi	23	15	65,22	23	100	4	19	4	1,6	4
13	Mầm non 17/3	24	15	62,50	24	100	2	15	9	2,4	9
14	Mẫu giáo Sơn Thượng	11	7	63,64	11	100	2	10	1	1,4	1
15	Mẫu giáo Sơn Bao	14	6	42,86	14	100	4	6	8	1,6	8
16	Mầm non Hoa Mai	14	7	50,00	14	100	1	10	4	1,6	4
	Tổng cộng	201	109	52,15	201	100	48	153	48	1,3	48

Kết quả đạt được trong xây dựng đội ngũ GVMN phản ánh nỗ lực của các cấp quản lý. Mấy năm gần đây, huyện Sơn Hà đã dành sự quan tâm đặc biệt đến công tác này. Trong điều kiện có nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội, huyện đã cử 60 GV đi đào tạo nâng chuẩn. Số còn lại đều tự tham gia học tập để nâng cao trình độ. Tính đến cuối năm học 2013-2014, số lượng GV trên chuẩn theo Điều lệ Trường Mầm non đạt 52,15% (100% đạt chuẩn). Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng GV hàng năm được các cấp quản lý chú trọng đã tác động mạnh đến hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng cán bộ của các nhà trường. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV không ngừng được nâng lên.

Theo kết quả đánh giá GV năm học 2013-2014, có 126/201 GV đạt loại tốt; 62 GV - khá và 13 GV - trung bình; không có GV yếu. Đây là cố gắng rất lớn của một huyện miền núi. Sự nỗ lực vươn lên của GVMN là tiền đề quan trọng để đạt được PCGDMN và tiếp tục duy trì bền vững kết quả phổ cập, nâng cao chất lượng bậc học này trong những năm tiếp theo.

Đội ngũ CBQL hàng năm tăng cả về số lượng lẫn chất lượng. Năm học 2011-2012 ngành Mầm non có 17/25

CBQL đạt trình độ trên chuẩn; đến năm học 2013-2014 đã có 32/35 CBQL đạt trình độ trên chuẩn.

Tuy nhiên, cơ cấu đội ngũ chưa hợp lý, tỷ lệ GV là người dân tộc còn quá thấp (năm học 2010 - 2011 chiếm 20,73% tổng số GV; năm học 2013-2014 mới chỉ đạt 23,88%). Đây là tồn tại, hạn chế rất khó khắc phục. Với tỷ lệ 82,84% dân số thuộc dân tộc ít người thì bất cập này sẽ cần nhiều thời gian và nỗ lực để thay đổi. Trong bối cảnh điều kiện sống, thu nhập của người dân còn rất thấp (11/13 xã đặc biệt khó khăn), hạn chế này càng làm cho việc huy động trẻ mầm non đến trường thêm khó khăn. Duy trì kết quả PCGDMN trong điều kiện như vậy không dễ dàng và sẽ tiếp tục cần đến nhiều cố gắng, nỗ lực thường xuyên của các cấp quản lý.

5. Kết luận

Phân tích trên cho thấy, mấy năm gần đây huyện Sơn Hà đã đạt được nhiều thành quả to lớn trong công tác PCGDMN. Kết quả đạt được, trước hết là do lãnh đạo các cấp của huyện, CBQL và GVMN đã nhận thức rõ vai trò của PCGDMN đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và kinh tế, xã hội của địa phương. Huyện đã huy động được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng tham gia thực hiện PCGDMN, triển khai hiệu quả công tác phát triển mạng lưới trường lớp và phát triển đội ngũ CBQL và GVMN.

Bên cạnh những thành quả to lớn đó, cũng còn những vấn đề đáng quan tâm. Mặc dù sự gia tăng tỷ lệ GVMN đạt chuẩn, trên chuẩn của huyện có dấu hiệu khả quan, song chất lượng đội ngũ so với yêu cầu đổi mới GDMN hiện còn nhiều mặt hạn chế. Công tác phát triển đội ngũ GVMN mới khởi sắc trong vài năm gần đây, kết quả đạt được chưa bền vững. GDMN trên thế giới và trong nước đang thay đổi mạnh mẽ, nhiều thành tựu khoa học được ứng dụng trong giáo dục trẻ mầm non, nhưng do điều kiện khó khăn của các nhà trường trên địa bàn miền núi, cơ hội tiếp cận khoa học GDMN của đội ngũ CBQL, GV còn rất hạn chế. Chất lượng GDMN của huyện về lâu dài không thể chỉ dựa vào những con số thống kê thuần túy về sự phát triển trường lớp và sự gia tăng tỷ lệ đạt chuẩn, trên chuẩn của đội ngũ GV. Những nghiên cứu sâu hơn về vấn đề này sẽ được trình bày tiếp theo trong bài viết khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2012), Hướng dẫn triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về PCGDMN cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn.

[2] Trần Xuân Bách, Lê Đình Sơn (2013), *Quản lý Giáo dục mầm non,* NXB. Giáo dục Việt Nam.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Văn bản số 18/VBHN-BGDĐT ngày 20/5/2014 về hợp nhất Thông tư 32/2012/TT-BGD&ĐT ngày 2/12/2010 và Thông tư 36/2013/TT-BDG&ĐT ngày 6/11/2013 của Bộ GD&ĐT về công nhận PCGDMN cho trẻ em năm tuổi.

[4] Chính phủ (2010), Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 9/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 – 2015".

[5] Đặng Văn Thịnh (2015), Biện pháp quản lý công tác PCGDMN cho trẻ 5 tuổi ở huyện Sơn Hà tỉnh Quảng Ngãi, *Luận văn Cao học Quản lý giáo dục,* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

[6] Các báo cáo thống kê về PCGDMN từ 2011-2014 của Phòng GD&ĐT huyện Sơn Hà, Quảng Ngãi.

(BBT nhận bài: 11/05/2015, phản biện xong: 18/05/2015)